

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị thị trấn Lam Sơn (giai đoạn 2) tại xã Thọ Xương, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Bất động sản Hano-Vid (Hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật).

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3065/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, dự án: Khu đô thị thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2); Công văn số 1087/UBND-KTHT ngày 25/6/2020 của UBND huyện Thọ Xuân về việc xác nhận địa điểm thực hiện Dự án Khu đô thị thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2);

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị thị trấn Lam Sơn (giai đoạn 2) tại xã Thọ Xương, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật) tại Biên bản họp Hội đồng thẩm định ngày 22/5/2020; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 152/CV-HTKCN ngày 08/6/2020 của Công ty CP Bất động sản Hano-Vid;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 677/Tr-STNMT ngày 20/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị thị trấn Lam Sơn (giai đoạn 2) tại xã Thọ Xương,

huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật) của Công ty cổ phần Bất động sản Hano-Vid (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Thọ Xương, huyện Thọ Xuân với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân, Giám đốc Công ty cổ phần Bất động sản Hano-Vid và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án: Đầu tư xây dựng Khu đô thị thị trấn Lam Sơn (giai đoạn 1)
tại xã Thọ Xương và thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
(Hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020
của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án:

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng Khu đô thị thị trấn Lam Sơn (giai đoạn 2) tại xã Thọ Xương, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật).

+ Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID.

+ Đại diện: Ông Nguyễn Thế Đạt Chức vụ: Tổng Giám đốc.

+ Địa chỉ: 430 Cầu Am, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

+ Điện thoại: 0432484282

Fax: 0432484283.

- Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

+ Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án 103.044,3 m²; trong đó, diện tích đất ở chia lô liên kế: 36.005,1 m² (424 lô); đất Nhà văn hóa: 715,2 m²; đất thể dục thể thao: 1.677,1 m²; đất khuôn viên cây xanh 11.768,8 m²; đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật: 52.043,1 m² và đất bãi đỗ xe 634,7 m².

+ Các hạng mục xây dựng gồm: San nền; hệ thống đường giao thông; cấp nước và phòng cháy chữa cháy; hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải; cấp điện.

2. Các tác động môi trường chính từ dự án:

2.1. Giai đoạn xây dựng:

2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân khoảng 4,80 m³/ngày (nước thải vệ sinh khoảng 2,4 m³/ngày; nước thải tắm rửa khoảng 1,44 m³/ngày; nước thải từ quá trình ăn uống 0,96 m³/ngày); chủ yếu chứa thành phần: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 10,0 m³/ngày; chủ yếu chứa thành phần: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu; san gạt mặt bằng,... chủ yếu chứa thành phần: bụi, SO₂, NO_x, CO,...

2.1.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 48,0 kg/ngày chủ yếu là thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa catton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải xây dựng gồm: Chất thải rắn từ quá trình phá dỡ công trình cũ, bóc tách đất hữu cơ và thi công xây dựng là 2.523,9 tấn; chất thải rắn từ sinh khối thực vật phát quang là 148,55 tấn.

2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,... khối lượng khoảng 48 kg/đợt thi công.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu máy với lượng khoảng 208,46 lít/đợt thi công.

2.2. Giai đoạn vận hành:

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư thuộc dự án là 229,63 m³/ngày.đêm (nước thải xí tiêu: 77,03 m³/ngày.đêm; nước thải tắm giặt: 110,75 m³/ngày.đêm; nước thải nhà ăn: 41,86 m³/ngày.đêm); chủ yếu chứa thành phần: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ dự án chủ yếu là bụi, khí thải phát sinh do phương tiện ra vào dự án; hoạt động của máy phát điện dự phòng; hoạt động xây dựng của các nhà đầu tư thành viên; hoạt động sinh hoạt của các hộ dân trong khu dân cư; trường mầm non, hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung; chủ yếu chứa thành phần: bụi, SO₂, NO_x, CO, NH₃, H₂S...

2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Tổng khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh từ dự án khoảng 1.865,6 kg/ngày, lượng rác thải này chủ yếu là thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp,...

- Ngoài ra, còn có chất thải rắn xây dựng phát sinh từ quá trình xây dựng của các nhà đầu tư thành viên và chất rắn từ hoạt động vệ sinh môi trường (bùn cặn từ hệ thống thu gom và xử lý nước thải, rãnh thoát nước mưa trong khu dân cư).

2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu gồm: pin, ắc quy, sơn, bóng đèn neon, dẻ lau dính dầu mỡ, hộp dầu mỡ,... với khối lượng khoảng 5,60 kg/ngày.

2.5. Một số tác động khác như: Tác động kinh tế - xã hội, tác động do rủi ro, sự cố môi trường.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn xây dựng

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

* Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (cát, đá,...) được che chắn bằng bạt; không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại gần mương thoát nước; hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực; quản lý dầu mỡ và vật liệu độc hại do các

phương tiện vận chuyển và thi công gây ra.

- Tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại các vị trí trũng thấp để thoát nước, tránh tình trạng ngập úng; cuối rãnh thoát nước bố trí hố lắng để lắng và loại bỏ đất, cát, rác thải vương vãi...; thường xuyên khơi thông, nạo vét cống, rãnh, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

*** Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:**

- Đối với nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân: 1,44 m³/ngày, do thành phần chất ô nhiễm chủ yếu là các chất rắn lơ lửng, chất hoạt động bề mặt được dẫn qua hệ thống thoát nước thải trên QL47.

- Nước thải từ quá trình ăn uống: 0,96 m³/ngày, do thành phần chất ô nhiễm chủ yếu là các văng dầu mỡ nên được dẫn vào 01 bể gạn dầu mỡ tại khu vực nhà ăn (dung tích bể xây dựng 1,0m x 1,0m x 1,0m) để lắng gạn dầu mỡ trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện): 2,4 m³/ngày, Nhà thầu thi công sẽ thuê 06 nhà vệ di động (ngăn chứa chất thải: 1,2 m³/nhà) đặt tại khu lán trại. Định kỳ 02 ngày/lần, Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

*** Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng**

Nước thải xây dựng được thu gom về hố lắng tạm tại khu vực lán trại có thể tích 10,0 m³ (2,5m x 2,0m x 2,0m) được lót vải địa kỹ thuật (HDPE) ở đáy và thành để chống thấm trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

3.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân; phun nước giảm thiểu bụi đất, cát trong quá trình thi công dự án với tần suất phun tưới nước 04 lần/ngày và có thể tăng vào những ngày nắng, nóng khô hanh; bố trí công nhân quét dọn đất, cát vương vãi từ khu vực dự án ra tuyến đường vận chuyển gần dự án với phạm vi 1.500 m về hai phía.

- Các xe vận chuyển vật liệu được che phủ kín bạt; sử dụng rào tôn xung quanh phần diện tích đất thi công xây dựng.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

Trang bị 02 thùng nhựa composite (dung tích 30 lít/thùng); 01 thùng nhựa composite (dung tích 120 lít) đặt tại khu vực lán trại công nhân để thu gom CTR phát sinh từ sinh hoạt của công nhân; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định với tần suất 01 ngày/lần.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- Khối lượng đất phong hóa, vật liệu rời, chất thải rắn phát sinh từ quá trình phát quang thảm thực vật,... trong quá trình thi công được vận vận

chuyển đến bãi thải tại xã Thọ Xương (bãi đổ thải có dung tích khoảng 45.300 m³).

- Chất thải rắn (đất, đá thải, gạch...) được tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng tại các dự án.

- Chất thải rắn như bìa cattông, các mẫu sắt thừa,... được thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trang bị 03 thùng chứa (02 thùng có dung tích 200 lít/thùng; 01 thùng có dung tích 80 lít/thùng) để chứa chất thải lỏng và rắn nguy hại riêng biệt, có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định; lưu trữ tạm tại góc trong khu lán trại; định kỳ 01 lần/quá trình thi công, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng nhằm đảm bảo an toàn trong thi công và đảm bảo các quy chuẩn về môi trường.

- Hạn chế tối đa các máy móc, phương tiện thi công hoạt động đồng thời.

- Các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công phải đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Thiết kế thoát nước mưa đi riêng với hệ thống thoát nước thải; thi công tuyến cống thoát nước mưa và hướng thoát nước theo đúng thiết kế.

- Toàn bộ nước mưa được thu gom vào hệ thống cống tròn BTCT có đường kính từ D400mm đến D1200mm và cống hộp đi ngầm giữa lòng đường với tổng chiều dài 3.765,5 m và 315 hố ga, sau đó thoát ra mương thoát nước mưa phía Nam khu đất.

- Xây dựng, vận hành hệ thống XLNT tập trung của dự án, công suất 300,0 m³/ngày đêm với sơ đồ công nghệ xử lý nước thải như sau:

Nước thải (sau bể tự hoại, nước thải nhà bếp, nước thải tắm, giặt) → hệ thống tách rác → Bể keo tụ, tạo bông → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → hệ thống thoát nước dọc tuyến Quốc lộ 47 tại phía Bắc của khu đất.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra hệ thống thoát nước dọc tuyến Quốc lộ 47.

- Nước thải tại các hộ dân: Xây dựng đường ống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt; đấu nối với hệ thống thoát nước mưa, nước thải của khu đô thị; Xây dựng bể tự hoại 03 ngăn để thu gom, xử lý nước thải từ nhà vệ sinh; Đấu nối toàn bộ nước thải sau bể tự hoại, nước thải nhà bếp và nước thải tắm giặt về

hệ thống cống thoát nước thải chung dẫn về hệ thống XLNT tập trung, công suất 300,0 m³/ngày đêm của khu đô thị để tiếp tục xử lý.

3.2.2. Về bụi, khí thải:

- Kiểm tra việc tuân thủ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn trong quá trình xây dựng của các nhà đầu tư thành viên trong khu dân cư theo các qui định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thường xuyên quét dọn các tuyến đường trong khu dân cư nhằm giảm thiểu bụi bay bốc theo bánh xe.

- Các hộ dân: Khuyến cáo dùng quạt hút mùi từ nhà bếp; qua hệ thống xử lý mùi từ nhà bếp trước khi thải ra môi trường; vệ sinh, dọn dẹp thường xuyên khu vực bếp nấu, khu bàn ăn; sử dụng các nhiên liệu sạch như gas, thiết bị dùng điện,... thay thế cho nhiên liệu hóa thạch,...

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Cung cấp các văn bản pháp lý liên quan và giới thiệu dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, sản xuất, chất thải nguy hại cho các thành viên trong Khu dân cư.

- Đối với bùn cặn phát sinh từ các hồ gas, hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, BQL Khu dân cư sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để nạo hút với tần suất 6 tháng/lần.

- Bố trí khu vực tập kết chất thải tập trung tại góc phía Tây (*cạnh khu vực xử lý nước thải tập trung*), diện tích bố trí khu vực bãi tập kết có diện tích khoảng 10 m², tại khu vực tập kết được thiết kế rãnh thu gom nước mưa bề mặt dẫn về hệ thống thu gom chung của dự án. Chất thải rắn được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- Các hộ dân: thu gom, lưu giữ và tập kết chất thải rắn đúng nơi quy định; tuyệt đối không được vứt bừa bãi ra vỉa hè, lòng đường.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Ban quản lý dự án: bố trí 10 thùng (dung tích 60 lit/thùng) chứa chất thải lỏng và rắn nguy hại riêng biệt, có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt cạnh khu vực tập kết rác thải sinh hoạt để thu gom toàn bộ rác thải sinh hoạt phát sinh từ dự án; hợp đồng với đơn vị có chức năng, thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định với tần suất 06 tháng/lần.

- Các hộ dân: Thu gom, lưu giữ và tập kết chất thải nguy hại đúng nơi quy định; không được để lẫn lộn cùng rác thải sinh hoạt.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

* Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

a. Giám sát chất lượng khí thải:

- Chỉ tiêu giám sát: vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO, NH₃, H₂S.

- *Vị trí giám sát:*

+ K1: Tại khu vực lán trại công nhân.

+ K2: Tại khu vực thi công dự án.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo Quyết định số 3733/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

b. Giám sát chất lượng nước thải:

- *Chỉ tiêu giám sát:* pH, BOD₅, TSS, Sunfua (tính theo H₂S), NH₄⁺ (tính theo N), NO₃⁻, Tổng N, Tổng P, PO₄³⁻, Dầu mỡ động thực vật, Chất hoạt động bề mặt, Coliform.

- *Vị trí giám sát:* 02 vị trí:

+ NT1: Nước thải sau bể lắng nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường.

+ NT2: Nước thải sau hồ lắng nước thải xây dựng trước khi thải ra môi trường.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.

+ QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

*** *Giám sát môi trường trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động***

Giám sát chất lượng nước thải:

- *Chỉ tiêu giám sát:* pH, TSS, BOD₅, NH₄⁺, NO₃⁻, PO₄³⁻, Coliform.

- *Vị trí giám sát:* 02 vị trí

+ NT1: Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ NT2: Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt./.